

**THÔNG BÁO LUỒNG**  
**Thường xuyên đường thủy nội địa quốc gia tháng 4 năm 2020-miền Nam**

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải qui định về khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ văn bản số 381/CCĐTNDPN-QLHT ngày 7/4/2020 của Chi cục ĐTNĐ phía Nam v/v Báo cáo luồng tháng 4/2020;

Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố thông báo luồng thường xuyên đường thủy nội địa tháng 4/2020 các tuyến sông khu vực miền Nam như sau:

**I. Tình hình mực nước**

TT	Trạm	H <sub>max</sub> (m)	H <sub>min</sub> (m)	Hđo-ngày	Vị trí Trạm
1	Phú Cường	+1,60	-1,30	12/03 21/03	Km 55+650 bờ trái sông Sài Gòn, xã Chánh Mỹ, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
2	Sông Tiền	+1,40	-1,66	12/03 22/03	Km 65+400 bờ trái sông Tiền, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
3	Chợ Gạo	+1,23	-1,51	12/03 18/03	Km 20+200 bờ phải kênh Chợ Gạo xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
4	Chợ Lách	+1,94	-0,56	08/03 10/03	Km 03+700 bờ trái kênh Chợ Lách, thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
5	Bến Tre	+1,80	-1,04	09/03 20/03	Km 3+800 bờ phải sông Bến tre, Khu phố 1, P.8, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
6	Măng Thít	+1,53	-1,41	11/03 12/02	Km 36+550 bờ hữu sông Măng Thít, Khóm 4, TT Tam Bình, huyện Tam Bình, Vĩnh Long
7	Sóc Trăng			../03 ../03	Km 11+150 bờ phải kênh Phú Hữu Bãi Xàu, phường 4, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
8	Ô Môn	+1,60	-0,72	08/03 31/03	Km 04+140 bờ phải rạch Ô Môn, Khu vực Thới Hoà, phường Thới An, Tp Cần Thơ
9	Tri Tôn	+0,49	+0,14	05/03 30/03	Km 06+300 bờ trái kênh Tám Ngàn, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
10	Năm Căn	+1,30	-0,32	21/03 25/03	Km 0+800 bờ trái sông Bảy Hạp, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
11	Thới Bình	+0,63	+0,48	24/03 28/03	Km 12+400 bờ trái sông Trèm Trẹm, TT. Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau
12	Sông Đốc	+0,21	+0,01	15/03 25/03	Km 23+470 bờ phải sông Ông Đốc, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
13	Lấp Vò	+1,70	+0,06	06/03 20/03	Km 37+300 bờ trái kênh Lấp Vò Sa Đéc, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
14	Cao Lãnh	+1,36	-0,88	14/03 24/03	Km 180+000 bờ trái sông Tiền, xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
15	Tân Châu	+1,34	-0,16	03/03 27/03	Km 237+600 bờ phải sông Tiền, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
16	Mộc Hóa	+0,54		06/03	Km 129+650- bờ phải sông Vàm Cỏ Tây, xã

STT	Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Lý trình Km	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất $h_{min}$	Độ sâu lớn nhất $h_{max}$	Độ sâu thực đo (h)	Chiều rộng đáy luồng (B)
14	K. Hồng Ngự Vĩnh Hưng	Cầu Hồng Ngự	43+985	Có KTT (2.9m x 19m)			
15	Kênh 4 Bis	Cầu Sắt Mỹ An	00+110	Có KTT (3,0m x 19.5m)			
16	Sông Vàm Cỏ Tây	Cầu Mộc Hóa	128+710	Có KTT (3,5m x 27m)			
		Xác tàu chìm cũ	34+200	Phía bờ tả, nằm ngoài luồng			
		cọc sắt và trụ neo tàu	33+970 ÷ 34+090	Phía bờ tả, nằm ngoài luồng			
17	Kênh Phước Xuyên	Cầu Tân Phước	27+500	Có KTT (4,5m x 30m)			
18	Kênh 28	Cầu Thông Lưu	08+060	Có KTT (2,6m x 24m)			
19	Sông Bến Tre	Cầu Bến Tre	04+360	Có KTT (6m x 26m)			
		Cầu An Hóa	06+200	Có KTT (6,5m x 28m)			
20	Kênh Mỏ Cày	Cầu Mỏ Cày	07+765	Có KTT (4m x 20m)			
		Đường dây điện	13+132	Có tính không 7m			
		Cầu Thơm	13+245	Có KTT (6m x 30m)			
21	Kênh Tư Mới	Cầu Mỹ An	09+823	Có KTT 3,7m x 20m			
22	Kênh Trà Vinh	Cầu Long Bình 1	04+500	Có KTT 2m x 16m			
23	K. Quản Lộ Phụng Hiệp	Cầu Phước Long	58+210	Có KTT 3,8m x 20m			
24	K. Sông Trẹm Cảnh Đền	Cầu Vĩnh Thuận	07+745	Có KTT (6,5m x 27m)			
		Cầu Kênh 14	14+440	Có KTT (6m x 24m)			
25	K Lấp Vò Sa Đéc	Cầu Sắt Sa Đéc	16+320	Có KTT (5,9m x 30m)			
		Cầu Nàng Hai	18+900	Có KTT (5m x 20m)			
		Cầu Vĩnh Thạnh	34+570	Có KTT (6m x 29m)			
		Bờ kè trường cao đẳng nghề Đồng Tháp sục	16+020 ÷ 16+060	Bờ phải			
26	Nhánh cù lao Long Khánh – sông Tiền	Móng trụ điện	07+510	Bờ trái			
27	Kênh Tắc Vân	Công BTCT chữ nhật	0+120	Bờ trái			

### III. Bãi cạn

TT	Sông, kênh	Bãi cạn, đoạn cạn	Các đặc trưng của luồng					
			Độ sâu (m)	Mực nước (m)	Cao độ (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dài (m)	Ngày đo
1	Kênh Chợ Gạo	Luồng cạn K.CG (Km 10 + 000 ÷ km 11+500)	3,85	+0,70	-3,15	26	1500	26/03
2	Rạch Kỳ Hôn	Vàm Kỳ Hôn (Km 27+900 ÷ km 28+200)	3,33	+0,28	-3,05	55	300	30/03
3	Kênh Xáng	Vàm kênh Xáng (Km 18 + 400 ÷ 18+500 (K.Xáng) Km 170+500 ÷ 171+000 (S.Tiền)	2,92	-0,66	-2,26	30	600	26/03
4	Sông Bến Tre	BC.Phú Hưng (Km 00+500 ÷ km 02+500)	3,74	+1,00	-2.74	50	2000	30/03
5	Thốt Nốt	Đoạn cạn từ km 04+140 ÷ km 04+250	2,99	+0,54	-2.45	28	120	31/03
6	Cái Bé	Đoạn cạn từ km 05+370 ÷ km 06+020	2,83	+0,56	-2.27	35	650	31/03
7	Cái Lớn	Đoạn cạn từ km 36+500 ÷ km 39+000	3,94	+0,25	-3,69	54	2500	28/03
8	Cái Tàu	Đoạn cạn từ km 12+020 ÷ km 13+480	2,84	+0,05	-2,79	52	1460	31/03

TT	Sông, kênh	Bãi cạn, đoạn cạn	Các đặc trưng của luồng					Ngày đo
			Độ sâu (m)	Mực nước (m)	Cao độ (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dài (m)	
	Bis	km 10+000)						98%
23	Sông Đồng Nai	Bãi đá Hiếu Liêm km 89+800 ÷ km 90+400	2,98	-0,52	-3,50	35	600	MN 98%
24	Nhánh CL B. Đàng	Bãi đá TL Cù lao km 06+500 ÷ km 06+600	2,48	-1,02	-3,50	52	100	MN 98%
25	Sông Sài Gòn	Bãi cạn kv cầu Bến Súc Km 99+950 ÷ km 100+150	3,07	-0,93	-4,00	45	200	MN 98%
		Bãi cạn kv TL cầu Bến Súc km101+850 ÷ km 114+680	3,17	-0,83	-4,00	25	12830	MN 98%
		Luồng cạn từ km115+500 ÷ km 126+00	1,20	-0,70	-1,90	52	10500	MN 98%
26	Kênh Vĩnh Tế	Luồng cạn, hẹp từ km 05+000 ÷ 08+500	2,00	-0,03	-2,03	36	3500	MN 98%
27	Nhánh CL Ông Hồ	Luồng cạn km 01+180 1+850 và từ km 06+500 ÷ 07+500	1,8	-0,28	-2,08	52	50 1000	MN 98%
28	Kênh Q.Lộ-Ph. Hiệp	Luồng cạn từ km 00+400 ÷ 101+840 (TL cống Cà Mau)	2,30	-0,27	-2,57	36	101440	MN 98%
29	Kênh Trà Vinh	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 04+750	0,50	-1,55	-2,05	36	4750	MN 98%
30	R Ông Lớn	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 05+000	<sup>-0,31</sup> (nhô lên)	+1,61	-1,31	52	5000	MN 98%
31	Kênh Th. Mười số 1	Luồng cạn từ km 00+082 ÷ km 90+000	0,58	+0,18	+0,76	36	89918	MN 98%
32	Rạch Cái Nhất	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 02+940	0,43	-0,10	-0,53	36	2940	MN 98%
		Luồng cạn từ km 03+034 ÷ km 03+075	1,02	-0,10	-1,12	18	41	MN 98%
33	Kênh Tắc Cây Trâm	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 04+500	0,33	-0,13	-0,46	36	4500	MN 98%
34	K. Sông Trẹm Cạnh Đền	Luồng cạn từ km 00+000 ÷ km 33+500	-0,22 (nhô lên)	-0,16	+0,06	36	33500	MN 98%
35	Kênh Mỏ Cày	Luồng cạn từ km 07+150 ÷ km 15+400	<sup>-0,28</sup> (nhô lên)	-1,51	-1,23	36	8250	MN 98%
36	K. Lập Vò Sa Đéc	Luồng bên trái cạn từ km 08+170 ÷ km 08+350	4,59	+0,85	-3,74	4,6	180	29/03
		Luồng cạn từ km 08+500 ÷ km 09+550	3,91	+0,85	-3,06	36	1050	29/03
		Luồng bên trái cạn từ km11+530 ÷ km 11+575	4,15	+0,85	-3,30	6,5	45	29/03
		Luồng bên phải cạn từ km12+100 ÷ km 12+470	4,26	+0,85	-3,41	7,5	370	29/03
		Luồng bên phải cạn từ km 12+900 ÷ km 13+425	2,62	+0,85	-1,77	12,7	1475	29/03
		Luồng cạn từ km 13+500 ÷	3,86	+0,85	-3,01	36	1000	29/03

Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, đang tiến hành đắp đập ngăn mặn, luồng tại đây tắc hoàn toàn, có tổ chức phương án an toàn giao thông thủy.

- Trên tuyến kênh Rạch Giá Long Xuyên, trong phạm vi từ km 00+220 ÷ km 0+370, phía bờ trái có chướng ngại vật là lớp rọ đá có cao trình +0,5m, có báo hiệu chướng ngại vật cảnh báo;

- Trên kênh Mác Cẩn Dung, tại Km 12+120 thuộc huyện Tri Tôn và huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, đang thi công cầu.

- Trên kênh Tám Ngàn, tại Km 25+780 thuộc xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đang có công trình Cầu treo Hoằng pháp hiện đang thi công.

- Trên kênh Tri Tôn Hậu Giang tại km 50+520 đang có công trình tháo dỡ cầu treo Nam Thái Sơn.

- Trên nhánh cù lao Bạch Đằng - sông Đồng Nai, tại khúc cong km 06+500 có bãi đá từ bờ phải ra tới mép luồng, các phương tiện lưu ý cần đi theo luồng lệch về phía bờ trái theo 03 phao dẫn luồng thả tại hiện trường.

- Cầu đường sắt Bình Lợi tại km 30+140 sông Sài Gòn đang điều tiết không chế đảm bảo giao thông đường thủy nội địa, các phương tiện khi lưu thông qua khu vực các cầu này phải tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn và điều động của lực lượng điều tiết tại chỗ. Tại km 110+150 có công trình khai thác cát, có bố trí phao dẫn luồng; Tại Km 53+950 đến 54+500, bờ trái đang thi công kè, và tại km 55+000 đến km 55+600, bờ trái đang thi công kè của Ban QLDA TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Từ km 57+450 đến km 63+650 (từ rạch Bà Bếp đến sông Lu) phía bờ phải; từ km 63+550 đến km 64+150, từ km 65+125 đến km 65+715, từ km 69+150 đến km 69+650 (từ sông Lu đến rạch Láng The) bờ phải, thuộc địa phận xã Trung An, huyện Củ Chi, TPHCM đang thi công kè; từ km 82+150 đến km 82+950 và km 84+800 đến km 85+600 (từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen), thuộc địa phận xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TPHCM nằm phía bờ phải đang thi công kè.

- Trên sông Vàm Cỏ Tây đang thi công cầu Tân An mới tại km 35+570.

- Trên sông Vàm Cỏ Đông, tại km 11+000 phía bờ phải (ngã ba Nhật Tảo) có công trình kè, hiện nay đang tạm ngưng thi công; phía bờ phải hiện đang tạm ngưng thi công kè thị trấn Đông Thành từ km 74+070 ÷ km 74+500, có bố trí 02 phao vùng nước B4.1 ở thượng và hạ lưu khu vực; tại km 93+000 đang thi công cầu An Hòa.

- Đang điều tiết hướng dẫn phương tiện tại các cầu Rạch Ông tại km 04+900 rạch Ông Lớn, cầu Măng Thít tại km 21+500 tuyến Măng Thít, cầu Ô Môn tại km 06+540 rạch Ô Môn, cầu Hồng Ngự tại km 44+010 kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng, cầu An Long tại km 89+620 kênh Tháp Mười số 1, cầu Rạch Sỏi 2 tại km 58+425 kênh Rạch Sỏi Hậu Giang, cầu Cái Sắn tại km 00+800 kênh Rạch Sỏi Hậu Giang, các phương tiện khi lưu thông qua khu vực các cầu này phải tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn và điều động của hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa và lực lượng điều tiết tại chỗ.

- Trên Hồ Trị An ngang km 10+500 có công trường đang khai thác cát do Công ty Đồng Tâm thực hiện, không ảnh hưởng luồng.